

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ HÀ NỘI
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH VÀ DU LỊCH

I. THÔNG TIN CHUNG

Mã số: **4001**

Tên chương trình: **Cử nhân Quản trị Kinh doanh**

Chuyên ngành chính: **Quản trị Tài chính**

Chuyên ngành phụ: **Không**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4.5 năm (9 học kỳ)**

Địa điểm: **Đại học Ngoại ngữ, Thanh Xuân, Hà nội**

Học kỳ bắt đầu: **Học kỳ I**

II. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình bao gồm 222 đơn vị học trình (ĐVHT) và được chia ra 2 khối kiến thức: Kiến thức Giáo dục Đại cương và Kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp

❖ Kiến thức Giáo dục Đại cương

Kiến thức Giáo dục Đại cương bao gồm 102 ĐVHT bắt buộc như sau:

STT	Mã Môn	Tên Môn	ĐVHT
1	VIE 101	Triết học Mác Lê Nin	6
2	VIE 215	Kinh tế Chính trị Mác Lê Nin	8
3	VIE 303	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	4
4	VIE 304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam	4
5	VIE 405	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3
6	VIE 116	Pháp luật Đại cương	3
7	VIE 107	Tin học Đại cương	4
8	MAT 201	Toán cao cấp	6
9	STA 201	Xác suất Thống kê	4
10	ENG 101	Thực hành tiếng I	20
11	ENG 102	Thực hành tiếng II	20

12	ENG 203	Thực hành tiếng III	20
	VIE 108	Giáo dục Thể chất	5
	VIE 109	Giáo dục Quốc phòng	165 tiết

❖ Kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp

Kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp bao gồm 120 ĐVHT, trong đó

10 ĐVHT bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở khối ngành:

STT	Mã Môn	Tên Môn	Môn điều kiện tiên quyết	ĐVH T
1	ECO 201	Kinh tế Vi mô	Không có	5
2	ECO 302	Kinh tế Vĩ mô	ECO 201	5

15 ĐVHT bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành:

STT	Mã Môn	Tên Môn	Môn điều kiện tiên quyết	ĐVH T
1	MKT 301	Nguyên lý Marketing	Không có	5
2	ACC 201	Nguyên lý Kế toán	Không có	5
3	ECO 303	Kinh tế lượng	STA 201	5

50 ĐVHT bắt buộc thuộc kiến thức ngành kể cả kiến thức ngành chính Quản trị Tài chính

STT	Mã Môn	Tên Môn	Môn điều kiện tiên quyết	ĐVH T
1	MGT 201	Quản trị học	Không có	5
2	MGT 405	Quản trị Chiến lược	MGT 201	5
3	HRM 301	Quản trị Nhân sự	MGT 201	5
4	FIN 301	Quản trị Tài chính	ACC 201	5
5	FIN 302	Thị trường và Thể chế Tài chính	FIN 301 ACC201	5
6	FIN 303	Phân tích Tài chính	FIN 301 ACC201	5
7	FIN 304	Tài chính Doanh nghiệp	FIN 301	5
8	FIN 405	Mô hình Tài chính	FIN 301 ACC201	5
9	FIN 406	Tài chính Quốc tế	ECO 302 FIN 302	5
10	FIN 410	Quản trị Đầu tư & Danh mục Đầu tư	FIN 301	5

30 ĐVHT từ những môn tự chọn:

STT	Mã Môn	Tên Môn	Môn điều kiện tiên quyết	ĐVH T
1	ACC 302	Kế toán Tài chính	ACC 201	5
2	ACC 403	Kế toán Quản trị	ACC 201	5
3	CIS 301	Hệ thống Thông tin Căn bản	Không có	5
4	FIN 407	Tiền tệ & Ngân hàng	FIN 301	5
5	FIN 408	Tài chính Công ty Đa quốc gia	FIN 406	5
6	FIN 409	Công cụ Tài chính Phái sinh	FIN 302	5
7	FIN 511	Quản trị Rủi ro Tài chính	FIN 302	5
8	HRM 402	Hành vi Tổ chức	Không có	5
9	LAW 301	Luật Doanh nghiệp	Không có	5
10	LAW 402	Luật Kinh doanh	Không có	5
11	MGT 302	Giao tiếp trong Kinh doanh	Không có	5
12	MGT 403	Quản trị Quốc tế	MGT 201	5
13	MGT 404	Hệ thống Thông tin trong Quản lý	MGT 201	5
14	MKT 402	Hành vi Khách hàng	MKT 201	5
15	THM 302	Địa lý Du lịch	THM 301	5
16	THM 304	Văn hóa và Du lịch	Không có	5
17	THM 405	Quản trị Khách sạn	THM 301	5
18	THM 409	Quản trị Lữ hành	THM 301	5
19	THM 410	Du lịch và Môi trường	THM 301	5
20	THM 411	Quản trị và Marketing Điểm du lịch	MKT 301 THM 407	5
21	THM 412	Du lịch Quốc tế	Không có	5

Lưu ý:

- Sinh viên được đăng ký một số môn học trong các chương trình cử nhân khác của trường Đại học Ngoại ngữ hoặc các chương trình mà trường Đại học Ngoại ngữ có liên kết cho các học phần tự chọn trên. Sinh viên phải được sự đồng ý của Nhà trường trước khi đăng ký học.
- Sinh viên có thể được xem xét chấp nhận các học phần tương đương từ các chương trình cử nhân khác. Nhà trường sẽ xem xét cụ thể từng trường hợp sau khi được cung cấp đầy đủ về các thông tin liên quan đến môn học như thời lượng môn học, đánh giá, giáo trình.

Và 15 ĐVHT cho Thực tập và Thi tốt nghiệp

PHÂN BỐ CÁC MÔN HỌC THEO KỲ

	Mã Môn	Tên Môn	ĐVHT/ môn	Số tiết/môn
HỌC KỲ 1	ENG 101	Thực hành tiếng I	20	400
	VIE 101	Triết học Mác Lê Nin	6	90
	VIE 107	Tin học Đại Cương	4	60
	VIE 108	Giáo dục Thể chất	5 ĐVHT/3 học kỳ	
HỌC KỲ 2	ENG 102	Thực hành tiếng II	20	400
	VIE 215	Kinh tế Chính trị Mác Lê Nin	8	120
	VIE 108	Giáo dục Thể chất	5 ĐVHT/3 học kỳ	
	VIE 109	Giáo dục Quốc phòng	165 tiết	
HỌC KỲ 3	ENG 103	Thực hành tiếng III	20	400
	VIE 303	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	4	60
	MAT 201	Toán cao cấp	6	90
	VIE 116	Pháp luật Đại cương	3	45
	VIE 108	Giáo dục Thể chất	5 ĐVHT/3 học kỳ	
HỌC KỲ 4	VIE 304	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam	4	60
	ECO 201	Kinh tế Vi mô	5	75
	MGT 201	Quản trị học	5	75
	ACC 201	Nguyên lý Kế toán	5	75
	STA 201	Xác suất và Thống kê	5	75
HỌC KỲ 5	VIE 405	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	45
	ECO 302	Kinh tế Vĩ mô	5	75
	FIN 301	Quản trị Tài chính	5	75
	MKT 301	Nguyên lý Marketing	5	75
	ECO 303	Kinh tế lượng	5	75
HỌC KỲ 6	HRM 301	Quản trị Nhân sự	5	75
	FIN 304	Tài chính Doanh nghiệp	5	75
	FIN 405	Mô hình Tài chính	5	75
		01 môn tự chọn	5	75

HỌC KỶ 7	MGT 405	Quản trị Chiến lược	5	75
	FIN 302	Thị trường và Thể chế Tài chính	5	75
	FIN 303	Phân tích Tài chính	5	75
		01 môn tự chọn	5	75
HỌC KỶ 8	FIN 406	Tài chính Quốc tế	5	75
	FIN 410	Quản trị Đầu tư & Danh mục Đầu tư	5	75
		02 môn tự chọn	5	75
HỌC KỶ 9		02 môn tự chọn	5	75
		Thực tập và thi tốt nghiệp	Tương đương 15 ĐVHT	